

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-PT
Ngày 06-12-2022
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh
Bà Nguyễn Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền).

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Dk, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: TX 1, thị trấn NĐ, huyện KT, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đình V, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 315, QL 2, phường ĐP, quận Dk, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 27/10/2021; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn - bà Ngô Thị T trình bày:

Bà T nguyên là kế toán của trường Trung học cơ sở A. Ngày 18/8/2014, bà T có cho ông V vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 1,3%/tháng, có viết giấy; thời hạn vay từ 06 tháng đến 01 năm. Tính đến tháng 8 năm 2016, ông V đã trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Đến tháng 12 năm 2019, ông V trả tiếp cho bà T 5.000.000 đồng. Còn lại 5.000.000 đồng, tính từ tháng 8 năm 2016 lãi suất mỗi tháng là 65.000 đồng.

Đến ngày 10/02/2015, bà T tiếp tục cho ông V và bà Lương Thị Nga (là cán bộ Trường THCS A) vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Khoản vay này các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có văn bản. Mục đích cho vay khoản tiền này là để nộp vào kho bạc khoản tiền học thêm của nhà trường năm học 2014-2015, thời hạn vay: từ ½ tháng đến 01 tháng. Trong thời gian đó, bà T đã hỏi bà Nga mấy lần về số tiền vay đó thì bà Nga trả lời là chưa thu được tiền của giáo viên. Sau này thì bà Nga cho biết đã trả số tiền đó cho ông V. Khi bà T hỏi ông V thì ông V nói là đã chuyển cho ông Hưng vay và sẽ có trách nhiệm trả bà T. Bà T đã nhiều lần đòi nhưng ông V không trả. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông V phải trả số tiền nợ gốc của hai lần vay trên là 75.000.000 đồng và số tiền lãi là 111.700.000 đồng, tổng cộng: 186.700.000 đồng.

Tại phiên hoà giải ngày 18/3/2022, bà T và ông V thống nhất đối với khoản tiền còn nợ lại của khoản vay ngày 18/8/2014 hai bên tự thỏa thuận nên bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay ngày 18/8/2014, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với khoản nợ ngày 10/02/2015 số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính đến thời điểm mở phiên họp là: 80.850.000 đồng, tổng cộng: 150.850.000 đồng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn – ông Bùi Đình V trình bày:

Đối với khoản vay ngày 18/8/2014, ông V và bà T đã thống nhất giải quyết xong.

Đối với khoản vay số tiền 70.000.000 đồng ngày 10/02/2015, ông V xác nhận có vay nhưng đây là số tiền ông V vay hộ nhà trường. Sau đó, bà Nga là thủ quỹ của trường đã đưa lại số tiền 70.000.000 đồng cho ông V và ông V đã đưa số tiền trên cho ông Hưng (thời điểm đó là Hiệu trưởng) được sự đồng ý của bà T. Vì vậy, quan điểm của ông V là ông Hưng đã nhận số tiền trên phải có trách nhiệm trả lại cho bà T.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông V đồng ý thay mặt ông Hưng trả bà T số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và sẽ trả dần, do không có điều kiện trả một lần. Về số tiền lãi bà T và ông Hưng thỏa thuận cụ thể như thế nào ông V không nắm được, còn giữa bà T và ông V không thỏa thuận lãi.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà T và ông V xác nhận thời điểm cuối cùng, bà T yêu cầu ông V trả nợ là ngày 23/5/2021.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 17/6/2022, Tòa án nhân dân quận Dk, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; tuyên xử: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 8.900.000 đồng của bà Ngô Thị T. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, buộc ông V phải trả cho bà T số tiền 75.771.000 đồng, trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là: 5.771.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T kháng cáo bản án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Bà T và ông V có thoả thuận miệng với nhau về lãi suất của khoản vay là 18%/năm, nhưng trong giấy vay tiền ngày 10/02/2015 không ghi nội dung này. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận khoản lãi theo thoả thuận miệng của hai bên nên bà T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà T.

Bị đơn – ông V không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà T vì tại giấy vay tiền ngày 10/02/2015 hai bên không thoả thuận lãi. Ông V vay khoản tiền này là để chi tiêu cho nhà trường theo sự chỉ đạo của ông Hưng hiệu trưởng. Trong suốt thời gian ông Hưng còn làm hiệu trưởng nhà trường bà T không đòi khoản nợ này, chỉ đòi sau khi ông Hưng bỏ đi trốn nợ. Do ông V đã viết giấy nên ông V chấp nhận trả số tiền này. Ông V nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Nếu bản án sơ thẩm có tính lãi suất chậm trả chưa đúng, khiến cho ông V phải trả thêm số tiền hơn 500.000 đồng thì ông V cũng đồng ý vì số tiền chênh lệch không đáng kể.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã cơ bản chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Bản án sơ thẩm đã áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng là 10%/năm là chưa đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất là 9%/năm mới đúng. Tuy nhiên, số tiền chênh lệch giữa hai cách tính này không nhiều, tại phiên tòa phúc thẩm, ông V chấp nhận, đồng ý với bản án sơ thẩm nên để ổn định bản án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận

kháng cáo của bà T, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về kiện đòi tài sản (tiền). Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng – khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong thời hạn luật quy định nên còn thời hiệu khởi kiện – Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Ngô Thị T: Kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm, Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3] Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 18/8/2014, ông V có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay thấp nhất là 06 tháng, lãi suất 1,3%/tháng. Khoản vay này quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, bà T và ông V xác nhận đã thoả thuận giải quyết xong. Bà T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về khoản vay này nên cần đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này – điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 10/02/2015, ông V có vay của bà T số tiền là 70.000.000 đồng. Ông V xác nhận có vay số tiền này nhưng là vay hộ Trường THCS A, KT. Tại phiên toà sơ thẩm, ông V đồng ý trả nợ cho bà T số tiền này. Tại Giấy nhận nợ các bên không thoả thuận về lãi suất vay và thời hạn trả nợ.

[5] Người làm chứng – bà Lương Thị Nga cho biết: Từ năm 2008 đến năm 2019, bà Nga là Văn thư kiêm Thủ quỹ của Trường THCS A, huyện KT. Thời điểm đó bà T là kế toán của trường, còn ông V là giáo viên kiêm Chủ tịch công đoàn. Trong thời gian làm việc tại đó bà Nga nhiều lần chứng kiến, ông V thay mặt giáo viên của trường tạm ứng tiền dạy thêm để nộp cho kho bạc (do giáo viên chưa thu được tiền). Sau đó rút về chi theo quy định cho giáo viên. Những lần như vậy thì thường bà T lại cho vay. Bà Nga ở cùng phòng với bà T nên nhiều lần chứng kiến việc vay, trả giữa hai người. bản thân bà Nga nhiều lần được bà T nhờ đưa tiền cho ông V, mỗi lần số tiền khác nhau. Giữa bà T và ông V có thoả thuận lãi hay không thì bà Nga không nắm được. Những khoản ông V vay để tạm ứng cho giáo viên, sau đó sẽ trả lại cho ông V.

[6] Từ những nội dung nêu trên có căn cứ để xác định ông V có vay của bà T số tiền 70.000.000 đồng. Các bên không thoả thuận lãi suất và thời hạn trả nợ.

Nay bà T yêu cầu trả nợ, ông V đồng ý nên cần buộc ông V phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (các Điều 471, 474, 477, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005). Do các bên không thỏa thuận lãi nên không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông V phải trả lãi đối với khoản nợ này. Tuy nhiên, ông V phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền lãi chậm trả. Hai bên thống nhất xác nhận thời điểm bà T yêu cầu ông V trả nợ là ngày 23/5/2021. Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thời gian hợp lý để trả nợ không quá 03 tháng kể từ ngày ông V được bà T thông báo trả nợ - ngày 23/5/2021 nên cần xác định khoảng thời gian hợp lý để buộc ông V phải trả lãi chậm trả là từ ngày 24/8/2021. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với nội dung này là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (mức lãi suất 10%/năm) để tính lãi suất chậm trả là không đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định này thì Tòa án cấp sơ thẩm cần phải áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự (mức lãi suất là 9%/năm). Xét thấy số tiền chênh lệch không nhiều (556.000 đồng); ông V là người phải chịu nghĩa vụ trả nợ không kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm ông V trình bày số tiền lãi sai số không nhiều nên ông V đồng ý với số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông V phải trả nợ nên để ổn định bản án không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm – khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà T – khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị T,

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477, 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Ngô Thị T.

1. Buộc ông Bùi Đình V phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền vay nợ là: 75.771.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 5.771.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ngô Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Bùi Đình V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T đối với khoản vay ngày 18/8/2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Đình V phải nộp 3.788.550 đồng (làm tròn 3.788.500 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Dk,
TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dk,
TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương